

**CÔNG TY CỔ PHẦN BTS THĂNG LONG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BTS THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108673699

**3. Ngày thành lập:** 28/03/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 1, ngõ 347/89 đường Cổ Nhuế, Tổ dân phố Viên 2, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Quản lý dự án liên quan đến xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Tư vấn giám sát thi công công trình đường dây và trạm biến áp<br>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu<br>- Tư vấn đấu thầu,<br>- Tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu<br>- Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng<br>- Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình<br>- Giám sát thi công xây dựng công trình;<br>- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 1<br>- Thiết kế quy hoạch xây dựng;<br>- Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát; tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật; thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy; tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy | 7110     |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410     |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311     |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4663     |
| 6.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730     |

|     |                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                             | 4530 |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                            | 4511 |
| 9.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                               | 4512 |
| 10. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                              | 4513 |
| 11. | Bán mô tô, xe máy<br>(trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                              | 4541 |
| 12. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>Cho thuê ô tô                                                                                                                      | 7710 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                            | 4933 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                          | 4932 |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                                                           | 4659 |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                     | 8299 |
| 17. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                            | 4631 |
| 18. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                            | 2022 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 20. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh               | 4772 |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế                                                                                     | 4649 |
| 22. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                   | 5630 |
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                          | 4633 |
| 24. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                      | 4711 |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                         | 4101 |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                   | 4102 |
| 27. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                              | 4212 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                         | 4229 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Khảo sát địa hình<br>- Khảo sát địa chất công trình<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông<br>- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn | 4299        |
| 30. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4330(Chính) |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông   | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐỖ MẠNH BÁU   | Số 01, Xóm 17, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    | 011682439                                                                                   |         |
|     |               |                                                                                          | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐỖ HOÀNG TÙNG | Số 01, Xóm 17, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 0010960052<br>45                                                                            |         |
|     |               |                                                                                          | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ ĐÌNH THUẦN | Số 03, tổ dân phố Viên 2, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    | 0350590001<br>86                                                                            |         |
|     |               |                                                                                          | Tổng số           | 10.000     | 100.000.000           | 10,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | PHAN NGỌC LÂM | Tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 0010930155<br>11                                                                            |         |
|     |               |                                                                                          | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |               |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                        |                   |        |             |        |          |  |
|---|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------|-------------|--------|----------|--|
| 5 | PHAN NGOC SON | Tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 | B5877764 |  |
|   |               |                                                                                        | Tổng số           | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |          |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **ĐỖ HOÀNG TÙNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *25/12/1996*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001096005245*

Ngày cấp: *22/04/2015*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 01, Xóm 17, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 01, Xóm 17, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội